

Bản án số: 46/2025/HC-PT

Ngày 16/01/2025.

*V/v khiếu kiện hành vi hành  
chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà **Trần Thị Kim Liên**

**Các Thẩm phán:**

ông **Phạm Ngọc Thái**

ông **Đình Phước Hoà**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 362/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “**Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai**”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** ông **Phạm N** - sinh năm 1966 và bà **Nguyễn Thị Kim C** - sinh năm 1967; cùng địa chỉ: **V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm N:* ông **Nguyễn Chí H** - sinh năm 1958 (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020); địa chỉ: **tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* ông **Trần Ngọc S**; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ (văn bản ủy quyền số 3085/QĐ-UBND ngày 14/8/2024). Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* ông **Huỳnh Thanh T**; chức vụ: Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ**; địa chỉ: **số D đường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Phạm Xuân K** - Phó Giám đốc **Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Q** (văn bản ủy quyền số 175/UQ-TTPTQĐ ngày 19/3/2024).

Địa chỉ: **số E đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông **Nguyễn Văn M**; chức vụ: Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã P**; địa chỉ: **xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** người khởi kiện ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện ngày 11/10/2020, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông **Phạm N**, bà **Nguyễn Thị Kim C**, người đại diện theo ủy quyền của ông **Phạm N** trình bày:*

Vợ chồng ông **Phạm N**, bà **Nguyễn Thị Kim C** là chủ sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 09, nay là thửa 816, tờ bản đồ số 09 **xã P**, diện tích trên thực tế là 108m<sup>2</sup>. Năm 2014, Dự án nâng cấp, mở rộng **Quốc lộ A** theo hình thức hợp đồng BOT; đoạn qua địa bàn **xã P, huyện Đ** trúng vào thửa đất này. Theo đó, Nhà nước thu hồi 42m<sup>2</sup>. Hiện nay, diện tích còn lại là 66m<sup>2</sup> đều nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CS 748969, vào sổ số CS 02852 ngày 20/8/2019. Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của **UBND tỉnh Q** thì ông **N**, bà **C** được giải quyết một lô đất tái định cư.

Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân xã P có Báo cáo số 192/BC-UBND, đã xác minh và lập Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 16/9/2019 về việc đề nghị lập thủ tục giao đất tái định cư cho hộ gia đình ông. Tuy nhiên, tại một diễn biến khác, ngày 01/4/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã từ chối giải quyết giao đất tái định cư cho gia đình ông vì cho rằng diện tích còn lại sau thu hồi trên 100m<sup>2</sup>. Ông đã khiếu nại và trên cơ sở giải quyết khiếu nại, **Sở T, Văn**

phòng Đ - chi nhánh thị xã Đ thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 816, tờ bản đồ số 09 là 66m<sup>2</sup>. Hiện nay nhà cửa ông nằm trên hành lang bảo vệ an toàn giao thông và không thể di dời đi nơi khác được do phía Đông chỉ còn 0,9m.

Về quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi thì theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 thì gia đình ông được giải quyết một lô đất tái định cư. Cụ thể: sau khi thu hồi diện tích còn lại dưới 100m<sup>2</sup> (66m<sup>2</sup>), không có nơi ở nào khác trong địa bàn xã P (việc này UBND xã đã xác nhận). Ông đã có đơn thu hồi hết phần diện tích còn lại (đơn gửi ngày 31/7/2023 thực hiện sau khi Sở T tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông). Như vậy, hộ gia đình ông đủ điều kiện cấp đất tái định cư. Nay, ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không giải quyết đất tái định cư cho ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết đất tái định cư cho ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C theo quy định của pháp luật.

*\* Tại Văn bản số 1254/UBND - TNMT ngày 08/5/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:*

Tại thời điểm thực hiện dự án, hộ ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C bị thu hồi đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo địa chính số 01, với diện tích đo đạc hiện trạng là 204m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi trong quy hoạch để xây dựng dự án là 33m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi nằm trong ranh giới quy hoạch năm 2003 là 09m<sup>2</sup>, loại đất thu hồi ONT, diện tích còn lại của thửa đất là 162m<sup>2</sup> (Bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Đ1 đo vẽ được Sở T thẩm định ngày 04/9/2014 để thực hiện công tác bồi thường dự án Mở rộng nâng cấp Quốc lộ A đoạn qua xã P, huyện Đ). Hộ ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C bị ảnh hưởng nhà chính cấp IV.A.

Công tác xác nhận về nguồn gốc, chủ sử dụng đất của chính quyền địa phương đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo địa chính số 01: trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật thửa đất do công ty TNHH Đ1 đo vẽ ngày 04/01/2014 (có ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim C và địa chính xã P) và Biên bản kiểm kê hiện trạng thửa đất vào ngày 08/4/2014 (có ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim C và UBND xã P). Ngày 06/5/2014, Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo địa chính số 01, diện tích đo đạc hiện trạng là 204m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi trong quy hoạch để xây dựng dự án là 33m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi nằm trong ranh giới quy hoạch năm 2003 là 09m<sup>2</sup>, loại đất thu hồi ONT,

diện tích còn lại của thửa đất là 162m<sup>2</sup> là do ông, bà lưu hạ lại cho hộ ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** từ năm 1978, nhà xây dựng năm 1979.

Công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ: trên cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, chủ sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã P, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng bởi dự án tại thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo địa chính số 01 cho hộ ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**. Theo quy định tại Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q, tại thời điểm thu hồi đất thì hộ ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** không đủ điều kiện được bố trí tái định cư do diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi để thực hiện dự án là 162m<sup>2</sup> (lớn hơn 100m<sup>2</sup>).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng bởi dự án tại thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo địa chính số 01 cho hộ ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** được UBND huyện Đ phê duyệt tại Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 30/6/2014. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4830/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc thu hồi đất của ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**, thường trú tại: thôn V, xã P và Quyết định bồi thường hỗ trợ chi tiết số 4858/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 cho hộ ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**. Thực hiện các Quyết định nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Q đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo đúng các quy định, hộ ông N và bà C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ phê duyệt và đã bàn giao mặt bằng để thi công công trình mà không có khiếu nại, kiến nghị gì.

Căn cứ vào Bảng tự kê khai của hộ gia đình và kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã P lập, Ủy ban nhân dân thị xã Đ nhận thấy việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông N và bà C tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 09 xã P (bản đồ dự án là tờ bản đồ số 01) và không bố trí đất tái định cư cho hộ ông (bà) là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện dự án (năm 2014 - 2015). Việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà C thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Hiện nay, đối với nội dung ông N, bà C thống nhất thu hồi luôn phần diện tích còn lại 66m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01, xã P và yêu cầu cấp đất tái định cư theo quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân thị xã Đ thấy rằng: Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A theo hình thức hợp đồng BOT được Bộ trưởng Bộ G phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 479/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2023. Hiện nay dự án đã quyết toán hoàn thành năm 2018 và đưa công trình vào sử dụng. Do đó, đối với nội dung này Ủy ban nhân dân thị xã Đ không có cơ sở để giải quyết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại văn bản số 240/UBND ngày 05/4/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã P trình bày: Ủy ban nhân dân xã P vẫn giữ nguyên quan điểm theo các ý kiến đã cung cấp trước đây tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Về phần ông Phạm N, bà Nguyễn Thị Kim C có đơn trình bày thống nhất thu hồi luôn diện tích còn lại 66m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01, xã P và yêu cầu cấp đất tái định cư theo quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân xã P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Tại văn bản số 908/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 10/4/2024, trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Q vẫn giữ nguyên các ý kiến và các tài liệu đã cung cấp trước đây. Đồng thời, theo nội dung ông N, bà C trình bày ngày 31/7/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Q có ý kiến sau: tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi dưới 40m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị và 100m<sup>2</sup> đối với khu vực nông thôn mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi và người bị thu hồi đất có đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi luôn”. Do đó, để có cơ sở thực hiện theo khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08 nêu trên thì hộ dân phải có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã Đ thu hồi luôn phần diện tích còn lại được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận và ông N cam kết tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc, bàn giao diện tích đất sau khi được Ủy ban nhân dân thị xã Đ thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Qua kiểm tra, rà soát thì công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án hiện nay không có cơ sở để thực hiện vì còn có một số nội dung cần xem xét như sau:

+ Hiện nay, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ A đoạn km 1063+877-km 1092+577, tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức hợp đồng BOT, đoạn qua xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thực hiện hoàn thành và quyết toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với chủ đầu tư. Do đó, việc bố trí nguồn vốn, bố trí quỹ đất tái định cư trong việc tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án cần phải có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

+ Tại thời điểm triển khai Dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng các quy định về trình tự, thủ tục, cơ chế khi Nhà nước thu hồi đất tại thời điểm năm 2014 để thực hiện công tác kiểm kê và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong vùng quy hoạch dự án (Cụ thể: theo các Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 và Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q về việc ban

hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 56/2013/QĐ -UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2014, Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt mức giá hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2014). Đồng thời áp dụng theo một số văn bản, Thông báo, Quyết định của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Q chỉ đạo, áp dụng riêng cho dự án như: Thông báo kết luận số 807-TB/TU ngày 28/4/2014 của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với lãnh đạo huyện Đ; Thông báo kết luận số 116/TB-UBND ngày 16/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q; Thông báo kết luận số 146/TB-UBND ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q). Hiện nay, các văn bản quy định nêu trên một số đã thay đổi hoặc đã hết hiệu lực thi hành hoặc chưa có ý kiến cho phép tiếp tục áp dụng. Do đó, việc áp dụng và xác định thời điểm áp dụng cơ chế, chính sách để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chưa được xác định cụ thể tại thời điểm nào, dẫn đến không có cơ sở để Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm b khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm N, bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không giải quyết đất tái định cư cho ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết đất tái định cư cho ông Phạm N và bà Nguyễn Thị Kim C theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2024, ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là ông **Trần Ngọc S**, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đều vắng mặt. Ủy ban nhân dân xã **P**, thị xã **Đ** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo số 01 xã **P** có nguồn gốc của ông Phạm **U** (là cha của ông **Phạm N**) để lại cho ông **Phạm N**, bà **Nguyễn Thị Kim C** sử dụng. Theo bản đồ 299/TTg là thửa đất số 332, diện tích 803m<sup>2</sup>, bản đồ chỉnh lý năm 1999 là thửa đất số 628, diện tích 890m<sup>2</sup>, loại đất T. Trên cơ sở đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **C**, ông **N** đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 09, tại vùng 5, xã **P**, diện tích 230m<sup>2</sup>, ngày 08/11/2006, ông **N** và bà **C** đã được Ủy ban nhân dân huyện **Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 230m<sup>2</sup> (trong đó: 100m<sup>2</sup> đất ở, 130m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Thực hiện Dự án đầu tư, cải tạo nâng cấp Quốc lộ **A**, đoạn km 1063+877 - km 1092+577, tỉnh Quảng Ngãi đoạn qua xã **P**, huyện **Đ**, Ủy ban nhân dân huyện **Đ** ban hành Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 thu hồi của gia đình ông **N** 33m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01 xã **P** (Bản

đồ chỉnh lý và biên tập từ bản đồ số 09 đã được **Sở T** thẩm định ngày 30/6/2014) và ban hành Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà **C**, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 233.890.760đồng. Gia đình bà **C** đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Quá trình thực hiện dự án, thực tế thửa đất số 04 có diện tích đo đạc hiện trạng là 204m<sup>2</sup>, diện tích đất trong ranh giới quy hoạch năm 2003 là 09m<sup>2</sup>, diện tích đất nghĩa địa là 103m<sup>2</sup>, diện tích đất thu hồi trong quy hoạch để thực hiện dự án là 33m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại 66m<sup>2</sup>. Ngày 20/8/2019, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông **N**, bà **C** tại thửa đất số 816, tờ bản đồ số 09, diện tích là 66m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Nguyễn Chí H** cũng khẳng định diện tích còn lại 66m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận nêu trên là đúng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi để thực hiện Dự án của ông **N**, bà **C** là 66m<sup>2</sup>.

[2.2] Tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của **UBND tỉnh Q** quy định: “Các trường hợp được bố trí tái định cư: 1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư). 2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi dưới 40m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị và 100m<sup>2</sup> đối với khu vực nông thôn mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi và người bị thu hồi đất có đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi luôn”. Tại thời điểm **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** lập, thực hiện các dự án tái định cư để bồi thường bằng nhà ở, đất ở cho người bị thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở; hộ gia đình cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác thì được bố trí tái định cư, phụ thuộc vào quỹ đất cấp tái định cư của địa phương cho từng dự án phê duyệt. Xét tại thời điểm ông **N**, bà **C** bị thu hồi đất và hiện nay thì ông, bà vẫn đang sinh sống trên phần diện tích đất còn lại, không phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 34 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Mặc dù diện tích đất ở còn lại của ông **N**, bà **C** là 66m<sup>2</sup> (nhỏ hơn 100m<sup>2</sup>) nhưng gia đình ông **N** không có đơn yêu cầu thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại này. Do đó, **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** không thu hồi phần diện tích đất ở còn lại và không bố trí đất tái định cư cho ông **N**, bà **C** là có căn cứ.

[2.3] Quá trình Toà án các cấp giải quyết vụ án và cả giai đoạn thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số 302/2021/HC-PT ngày 31/12/2021, **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** đã làm việc với ông **N**, bà **C** nhưng ông, bà vẫn không thống nhất có đơn



yêu cầu thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại. Đến ngày 31/7/2023 và ngày 17/9/2023, ông **N**, bà **C** mới có đơn đề nghị thu hồi hết phần diện tích còn lại và đề nghị cấp đất tái định cư nhưng xét Dự án đầu tư, cải tạo nâng cấp **Quốc lộ A**, đoạn qua **xã P, huyện Đ** đã quyết toán hoàn thành vào năm 2018, đã đưa vào sử dụng ổn định. Việc bố trí nguồn vốn, bố trí quỹ đất tái định cư trong việc tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án như trường hợp của hộ ông **N** phải được sự phê duyệt của cấp thẩm quyền và quy định của pháp luật. Đồng thời, tại thời điểm triển khai thực hiện dự án, **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** đã áp dụng các quy định về trình tự, thủ tục, cơ chế khi Nhà nước thu hồi đất tại thời điểm năm 2014 để thực hiện công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong vùng quy hoạch dự án và một số văn bản của tỉnh uỷ, **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** áp dụng riêng cho dự án nhưng một số văn bản đã thay đổi hoặc hết hiệu lực thi hành hoặc chưa có ý kiến cho phép tiếp tục sử dụng. Do đó, việc áp dụng và xác định thời điểm áp dụng chính sách để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt không xác định được cụ thể tại thời điểm nào. Vì vậy, việc ông **N**, bà **C** yêu cầu thu hồi luôn phần diện tích còn lại và cấp đất tái định cư cho ông, bà là không thể chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **N**, bà **C** là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông **N**, bà **C** như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C**; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 42 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm N**, bà **Nguyễn Thị Kim C** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không giải quyết đất tái định cư cho ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết đất tái định cư cho ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: ông **Phạm N** và bà **Nguyễn Thị Kim C** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004563 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Thị Kim Liên**



